

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP VIỆT Á**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP VIỆT Á

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET A SYNTHETIC SERVICE AND TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108817372

**3. Ngày thành lập:** 11/07/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Hạ Lô, Xã Mê Linh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                             | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh<br>Bán buôn cao su<br>Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)<br>Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép<br>Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại | 4669(Chính) |
| 2.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(không bao gồm doanh vàng miếng)                                                                                                                                                                                                               | 4662        |
| 3.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                               | 4663        |
| 4.  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                  | 4752        |
| 5.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                                                    | 4649        |
| 6.  | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                               | 4759        |
| 7.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                    | 4652        |
| 8.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                   | 4651        |
| 9.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                       | 4659        |
| 10. | Khai thác, xử lý và cung cấp nước                                                                                                                                                                                                                                                     | 3600        |
| 11. | Thu gom rác thải không độc hại                                                                                                                                                                                                                                                        | 3811        |
| 12. | Tái chế phế liệu                                                                                                                                                                                                                                                                      | 3830        |

|     |                                                                                                                                                           |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 13. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Tư vấn kỹ thuật môi trường, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường | 7490 |
| 14. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                         | 4101 |
| 15. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                   | 4102 |
| 16. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                              | 4212 |
| 17. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                  | 4221 |
| 18. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                       | 4222 |
| 19. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                        | 4223 |
| 20. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                         | 4229 |
| 21. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                | 4299 |
| 22. | Phá dỡ                                                                                                                                                    | 4311 |
| 23. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(Không bao gồm: Nổ mìn, dò mìn và các loại tương tự);                                                                                | 4312 |
| 24. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                     | 4321 |
| 25. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                     | 4322 |
| 26. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                            | 4329 |
| 27. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                            | 4330 |
| 28. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                       | 4390 |
| 29. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa (không bao gồm đấu giá)                                                               | 4610 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: NGUYỄN VĂN VIỆT

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 17/04/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 013284910

Ngày cấp: 10/03/2010

Nơi cấp: Công an TP Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Hạ Lôi, Xã Mê Linh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Hạ Lôi, Xã Mê Linh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN VIỆT

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *17/04/1993*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *013284910*

Ngày cấp: *10/03/2010*

Nơi cấp: *Công an TP Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Hạ Lôi, Xã Mê Linh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Hạ Lôi, Xã Mê Linh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*